TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lương Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2023/TLST-DS ngày 17/10/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST– DS ngày 24/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐHPT– ST ngày 07/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Đ; địa chỉ trụ sở: Số 198, đường K, phường T, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê T hoặc bà Đặng M; chức vụ: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ tố tụng khu vực Miền Nam; cùng địa chỉ: Số 859, đường Trần Đ, phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ông Lê P; chức vụ: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ địa bàn Miền nam. Ông T, bà M và ông P đều là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 30/6/2023. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/7/2023, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Đ ông Lê T trình bày:

Ngày 02/12/2021, bà Nguyễn T và Ngân hàng Đ (viết tắt là Ngân hàng S) ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT với nội dung chính như sau: Về số tiền vay là 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng; thời hạn cho vay: Kể từ ngày 03/12/2021 đến ngày 10/12/2031; mục đích vay: Cho vay tiêu dùng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày), lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi lãi suất cơ sở do Ngân hàng S ban hành trong từng thời kỳ. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/12/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất cơ sở của Ngân hàng S đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,99%. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trà bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngân hàng đã giải ngân và bên vay đã nhận nợ số tiền 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng bằng hình thức chuyển khoản theo ủy nhiệm chi ngày 03/12/2021.

Ngoài ra theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 25/11/2021 giữa Ngân hàng S và bà T, bà Nguyễn T được cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên bà T đã thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 797, tờ bản đồ số 19, diện tích 976,6 m² tọa lạc tại phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC772695, số vào số cấp giấy chứng nhận CS18681 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2021 cho bà Nguyễn T. Việc thế chấp đã được bà Nguyễn T và Ngân hàng S ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF2118700204/HDTC/HMS-NTMT ngày 02/12/2021, công chứng tại Văn Phòng công chứng Dương H ngày 02/12/2021, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/12/2021.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nói trên, bà Nguyễn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng S kể từ ngày 10/11/2022. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn T trả nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Qúa trình thực hiện hợp đồng bà T đã trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/06/2023 là 423.481.622 đồng. Tính đến ngày 07/3/2024, bà Nguyễn T còn nợ Ngân hàng Sso tiền 9.949.758.996 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn T thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền vay tính đến tính đến hết ngày 07/3/2024 là 9.949.758.996 đồng (trong đó nợ gốc 8.126.518.378 đồng; nợ lãi trong hạn 1.689.171.878 đồng; nợ lãi quá hạn 134.068.740 đồng).

Buộc bà Nguyễn T thanh toán cho Ngân hàng Đ các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT ngày 02/12/2021 và Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân kỷ ngày 25/11/2021 kể từ ngày 30/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu bà Nguyễn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiền hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 797, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC772695, số vào số cấp giấy chứng nhận CS18681 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2021 cho bà Nguyễn T.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì bà Nguyễn T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn lên Tòa làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên toà:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ tham gia phiên tòa theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì thêm.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định Ngân hàng thương mại được cấp tín dụng với hình thức cho vay và việc cho vay phải lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bà T có ký hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT ngày 02/12/202 và theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 25/11/2021 bà T còn được cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn T có địa chỉ tại ấp L, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên bị đơn bà T không có mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn T.

[4] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc thẻ tín dụng số tiền 3.956.755 đồng. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy đinh tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn bà T nhưng bà T vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do.

[6] Về nội dung tranh chấp:

[6.1] Về yêu cầu thanh toán khoản vay: Theo hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT ngày 02/12/2021 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 02/12/2021 giữa nguyên đơn và bà T có ký kết hợp đồng tín dụng theo đó bị đơn vay nguyên đơn số tiền 8.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 03/12/2021 đến ngày 10/01/2031, mục đích vay: Vay tiêu dùng. Ngoài ra, theo Đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 25/11/2021 bà T được Ngân hàng Đ cấp thẻ tín dụng với dư nợ tính đến ngày 07/3/2024 là 81.017.793 đồng.

Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng là do các bên tự nguyên giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 07/3/2024 là 9.949.758.996 đồng là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT ngày 02/12/2021 với tổng số tiền 9.868.741.203 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 8.076.518.378 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.689.171.878 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 103.050.947 đồng.

- Thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị cho vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 25/11/2024 với tổng số tiền 81.017.793 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 50.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 31.017.793 đồng.

Tiền lãi kể từ ngày 08/3/2024 được tính theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

[6.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hội đồng xét xử nhận định: Để đảm bảo khoản vay của các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF/HDTC/HMS-NTMT ngày 02/12/2021 được công chứng, chứng thực ngày 02/12/2021 tại Văn phòng công chứng Dương H và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 02/12/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N, thành phố Hồ Chí Minh, tài sản thế chấp là thửa đất số 797, tờ bản đồ số 198 tọa lạc phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC772695, số vào sổ CS18681 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2021. Xét thấy, nội dung của hợp

đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 293, Điều 294, Điều 295 và Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 9 của Hợp đồng thế chấp ngày 02/12/2021 về quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng S, sự kiện vi phạm và xử lý sự kiện vi phạm. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng Đ. Do vậy, căn cứ Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng Đ về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Đ không phải chịu án phí. Bà Nguyễn T phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng Đ.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đăng báo và phát thanh: Bà T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đăng báo và phát thanh số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã đóng tạm ứng trước đó nên bà T phải hoàn lại cho Ngân hàng Đsố tiền 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 323 và Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ đối với bị đơn bà Nguyễn T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn T phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền tính đến ngày 07/3/2024 là 9.949.758.996 đồng (trong đó nợ gốc 8.126.518.378 đồng; nợ lãi trong hạn 1.689.171.878 đồng; nợ lãi quá hạn 134.068.740 đồng).

Kể từ ngày 08/3/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT ngày 02/12/2021 và Thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị cho vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 25/11/2024.

2. Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2118700204/HDTD/HMS-NTMT ngày 02/12/2021 cho Ngân hàng Đ, thì Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thửa đất số 797, tờ bản đồ số 198, diện tích 976.6m^2 tọa lạc phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành DC772695, số vào sổ CS18681 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2021 cho bà Nguyễn T.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của bà T vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Đ, thì bà T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Đ cho đến khi trả hết nợ.

3. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc đối với nợ gốc thẻ tín dụng số tiền 3.596.755 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đăng báo và phát thanh: Bà Nguyễn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 6.000.000 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn T phải chịu 117.949.759 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền 58.509.779 (năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, bảy trăm bảy mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0012344 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Hồ Thị Hoa